

BIỂU MẪU 01

(Ban hành kèm theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017
của Bộ giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG MẦM NON ANH ĐÀO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023 - 2024

Stt	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	98% trẻ tăng cân qua các kỳ cân, 2% đứng cân (là trường hợp trẻ thừa cân)	98% trẻ tăng cân qua các kỳ cân, 2% đứng cân (là trường hợp trẻ thừa cân)
2	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình GDMN	Chương trình GDMN
3	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	98 - 100% trẻ đạt yêu cầu độ tuổi	98 - 100% trẻ đạt yêu cầu độ tuổi
4	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở Giáo dục Mầm non	Thực hiện tốt	Thực hiện tốt

Gò Vấp, ngày 10 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Vân

BIỂU MẪU 02

(Ban hành kèm theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017
của Bộ giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG MẦM NON ANH ĐÀO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2023-2024

Stt	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	764		62	78	180	229	215
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	764		62	78	180	229	215
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	764		62	78	180	229	215
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe							
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng							
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường							
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	764		62	78	180	229	215

Stt	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	140		62	78			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	624				180	229	215

Gò Vấp, ngày 10 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Vân

BIỂU MẪU 03

(Ban hành kèm theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017
của Bộ giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON ANH ĐÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023-2024

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	19	164,36m ² /lớp
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	19	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	7.148,6m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	2.043,65m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	977,37m ²	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	158,96m ²	1,5/trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	1.345m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	680,4m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	166,86m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	58,32m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	300m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	126	7 bộ/ lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	28	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi		50 máy vi tính 10 máy in tại lớp

	tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		3 máy chiếu 2 máy ảnh kỹ thuật số
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	19	1 cái/ lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ; ghi ta, trống...)	18	
3	Máy photo	2	
4	Cassette	3	
5	Đầu Video/ đầu đĩa		
6	Bàn ghế đúng quy cách	960	
7	Bảng tương tác	1 bộ	
8	Thiết bị khác		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	83,16m ²	483,16m ²	241,5m ² /242,6m ²	0,53m ²	0,55m ² /0,57m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Gò Vấp, ngày 10 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON ANH DẠC
Nguyễn Thị Vân

(Ban hành kèm theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
O Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của
cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023-2024**

[illegible]

Stt	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
4	Nhân viên Y tế	01					01		01						
5	Nhân viên Nấu ăn	06					04	02							
6	Nhân viên Phục vụ	10						10							
7	Nhân viên Bảo vệ	04						04							

Gò Vấp, ngày 10 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Vân